TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị H**

Bà Nguyễn Thị L

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Chị Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: Nguyễn Thị Q), sinh năm 1980. (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** **Anh Đỗ Công C**, sinh năm 1978. (Có mặt)

Đều trú tại: thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Công C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2000 tại UBND phường Y, huyện Hoài Đức, Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà chồng một thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng tại thôn T, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Chị T thường đánh đập chị T,

khiến chị T không thể chịu đựng được. Nay chị T không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng chị T và chị T có 02 con chung là cháu Đỗ Công H, sinh ngày 19/12/2000, cháu Đỗ Công N, sinh ngày 14/9/2006. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị gì. Cháu N đang ở với cả bố và mẹ. Ly hôn, chị T đồng ý theo nguyện vọng của cháu, muốn ở với ai cũng được.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh có đăng ký kết hôn với chị T vào ngày 24/3/2000 tại UBND phường Y, huyện Hoài Đức, Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nên chị T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Công H, sinh ngày 19/12/2000, cháu Đỗ Công N, sinh ngày 14/9/2006. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị. Cháu N đang ở với cả bố và mẹ. Ly hôn, chị T muốn nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

- Ý kiến của Nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị T. Về con chung: Chị T theo nguyện vọng của con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của Bị đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị T không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị T theo nguyện vọng của con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Đỗ Công C về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn – Anh Đỗ Công C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, nên Tòa án Nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Công C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, huyện Hoài Đức, Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội năm 2000. Xét thấy, trên Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện anh Đỗ Công C và chị Nguyễn Thị Q là vợ chồng. Tuy nhiên, sau đó, chị Nguyễn Thị Q đã đổi tên thành Nguyễn Thị T, nên trong các Giấy tờ về nhân thân hiện tại có tên là Nguyễn Thị T. Chính quyền địa phương cũng đã có xác nhận hai tên Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 là cùng một người. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống vợ chồng xảy ra mẫu thuẫn. Trước yêu cầu của chị T xin ly hôn, chị T không đồng ý nhưng anh không có phương án nào để chị T và chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T cương quyết đề nghị xin ly hôn chị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị T và chị T có 02 con chung là cháu Đỗ Công H, sinh ngày 19/12/2000, cháu Đỗ Công N, sinh ngày 14/9/2006. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét. Cháu N đang ở với cả bố và mẹ, cháu Nam có nguyện vọng ở với mẹ, chị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Xét thấy, việc giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Công C.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Công H, sinh ngày 19/12/2000, cháu Đỗ Công N, sinh ngày 14/9/2006.

Cháu Đỗ Công H đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Thủy được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Công N, sinh ngày 14/9/2006 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi quyết định khác.

Anh Đỗ Công C có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị T đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075694 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Công C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND phường Y, huyện Hoài Đức, Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Ngọc T